

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Cơ sở Trang trại chăn nuôi heo nái, quy mô 2.400 con heo nái tại ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chăn nuôi Huy Phát làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 107/CVMT-HP ngày 01 tháng 07 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 169/TTr-STNMT ngày 09 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Chăn nuôi Huy Phát (sau đây gọi là Chủ cơ sở), địa chỉ: đường Triệu Quang Phục, tổ 2, khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Trang trại chăn nuôi heo nái, quy mô 2.400 con heo nái tại ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Cơ sở) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Trang trại chăn nuôi heo nái.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 3801158322 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 2017, đăng ký thay đổi lần

thứ 5 ngày 27 tháng 3 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3801158322.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Tổng diện tích Cơ sở: Khoảng 99.455 m².
- Quy mô: 2.400 con heo nái.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Chăn nuôi Huy Phát:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Chăn nuôi Huy Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(từ ngày 15. tháng 7. năm 2024 đến ngày 15. tháng 7. năm 2031).

Điều 4. Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến việc cấp phép cho Công ty TNHH Chăn nuôi Huy Phát thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở nêu trên.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đồng Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Công ty TNHH Chăn nuôi Huy Phát;
- Lưu: VT_(BH-18-GPMT-12/7).

5R

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .52/GPMT-UBND
ngày 15 tháng 7. năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở (khoảng 156,142 m³/ngày.đêm) sau khi xử lý sơ bộ, được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 220 m³/ngày.đêm để xử lý. Nước thải sau xử lý được lưu chứa trong 2 hồ chứa nước sau xử lý (tổng thể tích khoảng 9.875 m³), nước thải sau đó được chia thành 2 dòng. Cụ thể như sau:

- Nước thải sau xử lý xả ra suối Cau: Khoảng 109,3 m³/ngày.đêm, lượng nước này được Chủ cơ sở bơm vào hồ chứa nước sau xử lý 01 kích thước: D x R x S = 35 m x 35 m x 5 m = 6.125 m³/hồ, hồ đất lót bạt HDPE. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$) trước khi xả ra suối Cau.

- Nước thải sau xử lý tái sử dụng cho hoạt động vệ sinh chuồng trại: Khoảng 46,84 m³/ngày.đêm. Lượng nước này được Chủ cơ sở bơm vào hồ chứa nước sau xử lý 02 kích thước: D x R x S = 30 m x 25 m x 5 m (thể tích 3.750 m³/hồ, hồ đất lót bạt HDPE để tái sử dụng cho hoạt động vệ sinh chuồng trại). Chủ cơ sở cam kết tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng cho vệ sinh chuồng trại.

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và rửa tay chân của cán bộ, công nhân viên tại trang trại, lưu lượng tối đa 5 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động chăn nuôi bao gồm nước tiểu heo, nước từ quá trình ép phân, nước vệ sinh chuồng trại, nước sát trùng người và xe, lưu lượng tối đa 151,142 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Cau.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại suối Cau cách trang trại khoảng 900 m.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 582.583,660; Y = 1.259.119,227.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106⁰15', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất của Cơ sở: Dòng nước thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01 và số 02): 109,3 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01 sau xử lý chứa tại hồ chứa nước sau xử lý 01 và được dẫn bằng đường ống uPVC Ø114 mm, đặt ngầm cách mặt đất khoảng 0,5 m, dài khoảng 900 m xả ra suối Cau.

- Hình thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B ($k_q = 0,9$; $k_f = 1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	03 tháng/lần theo đề nghị của Chủ cơ sở	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP
2	TSS	mg/l	150		
3	COD	mg/l	300		
4	BOD ₅	mg/l	100		
5	Tổng N	mg/l	150		
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn được dẫn về hố thu gom nước thải bằng hệ thống đường ống uPVC có kích thước Ø114 mm, dài khoảng 200 m. Chủ cơ sở xây dựng 5 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 4,5 m³/bể cho các khu vực: Nhà ở công nhân, nhà ăn; nhà ở cán bộ; nhà bảo vệ; nhà điều hành; nhà vệ sinh trong trại.

- Nước rửa tay, chân được dẫn về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống uPVC, Ø90 mm, dài khoảng 200 m.

- Nước thải từ quá trình ép phân được dẫn về hố thu gom nước thải bằng đường ống nhựa Ø114 mm dài khoảng 15 m.

- Nước sát trùng người và xe được dẫn về bể kiểm soát nước thải sau xử lý bằng đường ống nhựa Ø90 mm dài khoảng 650 m.

- Nước thải chăn nuôi được thu gom bằng ống uPVC Ø114 mm (với chiều dài tuyến cho mỗi khu trại khoảng 900 m và qua 28 hố ga) sau đó dẫn về hố thu gom nước thải và được xử lý qua hầm biogas. Nước thải sau hầm biogas được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 220 m³/ngày.đêm.

Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở khoảng 156,142

$\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế $220 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn $\rightarrow$ Hồ thu gom nước thải; Nước rửa tay, rửa chân $\rightarrow$ Bể điều hòa hệ thống xử lý nước thải; Nước thải sát trùng người và xe $\rightarrow$ Bể kiểm soát nước thải sau xử lý; Nước thải từ quá trình ép phân $\rightarrow$ Hồ thu gom nước thải; Nước thải chăn nuôi $\rightarrow$ Hồ thu gom nước thải $\rightarrow$ Hàm biogas $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Bể khử nitơ (Bể anoxic) $\rightarrow$ Bể sục khí 1 (Bể aerotank) $\rightarrow$ Hồ sinh học kết hợp lắng SBR (Bể sinh học SBR) $\rightarrow$ Lọc áp lực $\rightarrow$ Bể kiểm soát nước thải sau xử lý $\rightarrow$ Hồ chứa nước thải sau xử lý (2 hồ).

Nước thải phát sinh từ Cơ sở được xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$), sau đó chứa tại hồ chứa nước thải sau xử lý 01 và 02 (tổng thể tích khoảng 9.875 m^3). Nước thải sau xử lý tại hồ 01 xả ra suối Cau với lưu lượng $109,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và nước thải sau xử lý tại hồ 02 được tuần hoàn, tái sử dụng cho mục đích vệ sinh chuồng trại với lưu lượng $46,84 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Chủ cơ sở phải đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn trước khi xả ra suối Cau; tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng vệ sinh chuồng trại.

- Công suất thiết kế hệ thống: $220 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với hàm biogas: Thường xuyên theo dõi áp suất khí, hệ thống đường ống dẫn khí để có biện pháp khắc phục kịp thời. Khí gas phát sinh từ hàm biogas được thu gom và đốt bỏ có kiểm soát.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải được lưu chứa tại 2 hồ chứa nước thải sau xử lý, hồ 01 kích thước $D \times R \times S = 35 \text{ m} \times 35 \text{ m} \times 5,0 \text{ m}$ (thể tích khoảng 6.125 m^3) và hồ 02 kích thước $D \times R \times S = 30 \text{ m} \times 25 \text{ m} \times 5,0 \text{ m}$ (thể tích khoảng 3.750 m^3), sau khi khắc phục sự cố xong, nước thải được bơm về hàm biogas để xử lý lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định hiện hành.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Nước thải phát sinh từ Cơ sở phải đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi ($k_q = 0,9$,

$k_f = 1,1$) trước khi xả ra suối Cau. Chủ cơ sở phải tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng vệ sinh chuồng trại của trang trại.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải, vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Chủ cơ sở phải lắp đặt camera giám sát để ghi, lưu trữ hình ảnh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải (trường hợp có khiếu kiện, khiếu nại để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra). Thiết kế cổng phụ và mở lối đi riêng vào khu vực hệ thống xử lý nước thải và bố trí hệ thống khử trùng tại lối đi này, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

3.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Cơ sở gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi hoạt động của Cơ sở để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

3.5. Chủ cơ sở phải thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc dẫn, đầu nối đường ống xả thải của Cơ sở đi qua phần đất của các tổ chức, cá nhân có liên quan về điểm xả đảm bảo đúng quy định.

3.6. Chủ Cơ sở phải đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra suối Cau.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .52./GPMT-UBND
 ngày 15 tháng 7. năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Thiết bị, máy móc từ hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ vị trí: X = 584.092,945; Y = 1.259.768,163.
- Nguồn số 02: Tọa độ vị trí: X = 584.091,117; Y = 1.259.771,846.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện được đặt trong nhà đặt máy phát điện 42,6 m², đặt trên bệ bê tông giữa có chèn lớp cao su đàn hồi để hạn chế tiếng ồn và độ rung lan truyền ra khu vực xung quanh.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực trang trại góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

- Bảo dưỡng định kỳ các máy bơm, máy phát điện,... nhằm hạn chế các nguồn tiếng ồn phát sinh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm

nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện).

2.3. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .52./GPMT-UBND
ngày 15 tháng 7. năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	1,0
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	0,83
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	1,0
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (thùng can nhựa đựng hóa chất, dầu mỡ thải, bao bì thuốc thú y thải)	18 01 03	10
5	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (bao bì thuốc thú y thải)	18 01 04	75
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (bao bì thuốc thú y thải)	18 01 01	12,92
7	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	1,0
8	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	1,0
9	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	14 02 02	10
10	Pin, ắc quy thải	16 01 12	0,5
Tổng khối lượng			113,25

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Phân heo	7.680,24
2	Nhau thai, heo chết không do dịch bệnh + bệnh thông thường	58,1
3	Tắm làm mát thải bỏ	1,22
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	4,57
5	Bao cám	3,5
Tổng khối lượng		7.747,63

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	40
Tổng khối lượng		40

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 120 lít, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà: Gồm 01 kho.

- Diện tích kho: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt, mái lợp tôn, sàn cao tránh bị ngập nước, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng nhựa có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Diện tích: 12 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt, mái lợp tôn.

- Đối với phân heo: Phân heo hằng ngày được thu gom, sau đó được bơm lên máy ép phân (công suất: 40 - 50 m³/giờ) được đặt trong nhà đặt máy ép phân có diện tích 50 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây kín tô 2 mặt quét sơn nước, mái lợp tôn. Phân heo sau ép được khử trùng bằng vôi bột rồi đóng bao với trọng lượng 25 kg/bao, phun chế phẩm EM với tần suất 01 lần/ngày; rắc vôi bột nhằm xử lý các loại vi khuẩn có hại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày và chứa trong nhà để phân với diện tích 106,4 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây kín tô 2 mặt quét sơn nước, mái lợp tôn. Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Đối với bùn thải: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được Chủ cơ sở thu gom về sân phơi bùn có 06 ngăn, mỗi ngăn có kích thước: D x R x S = 6,4 m x 1,8 m x 1,5 m; kết cấu: bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm. Chủ cơ sở phải lấy mẫu bùn thải để phân tích; nếu mẫu bùn có chỉ tiêu vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, Chủ cơ sở phải quản lý lượng bùn thải phát sinh từ Cơ sở theo đúng quy định về chất thải nguy hại; trường hợp không vượt Quy chuẩn, Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nhau thai, xác heo chết không do dịch bệnh và bệnh thông thường: Chủ cơ sở sử dụng phương án xử lý nhau thai, xác heo chết không do dịch bệnh và bệnh thông thường như sau:

+ Xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai được cho vào các thùng chứa bằng nhựa HDPE có dung tích 660 lít, có nắp đậy kín sau đó được công nhân phun chế phẩm EM rồi đưa vào hầm hủy xác.

+ Chủ cơ sở xây dựng 01 hầm hủy xác với kích thước: Dài x Rộng x Sâu = 13,2 m x 6 m x 3 m (thể tích 237,6 m³). Hầm hủy xác có kết cấu bê tông chống thấm, chia thành 3 ngăn liền nhau, mỗi ngăn có kích thước: Dài x Rộng x Sâu = 4,4 m x 2 m x 3 m, mỗi ngăn có 1 cửa để bỏ heo chết không do dịch bệnh (cửa được xây bằng gạch, cánh cửa bằng thép tấm, với kích thước: Dài x Rộng = 0,4 m x 0,4 m). Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý lượng xác heo chết đã phân hủy sau khi được xử lý tại hầm hủy (khi các ngăn của hầm hủy xác đầy).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, dung tích 120 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho. Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

1. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành. Đối với các trường hợp heo chết do dịch bệnh: Chủ cơ sở báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo đúng quy định.

2. Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình kỹ thuật. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải phát sinh được lưu chứa tạm thời tại 02 hồ chứa nước sau xử lý: hồ 01 kích thước D x R x S = 35 m x 35 m x 5,0 m (thể tích khoảng 6.125 m³) và hồ 02 kích thước D x R x S = 30 m x 25 m x 5,0 m (thể tích khoảng 3.750 m³); 02 hồ chứa nước sau xử lý là hồ đất được lót bạt HDPE chống thấm; sau khi khắc phục sự cố xong, nước thải được bơm về hầm biogas để tiếp tục xử lý.

3. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa

chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số .52./GPMT-UBND
ngày 15 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)*

Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và phải đảm bảo xử lý nước thải đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$) trước khi xả ra suối Cau.

3. Đối với khí thải từ máy phát điện dự phòng; mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi, hệ thống xử lý nước thải, khu vực ép phân, khí từ hầm biogas và hầm ủ xác:

3.1. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_p = 1$, $k_v = 1,2$) trước khi xả ra môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành. Bảo dưỡng máy phát điện định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp. Khí thải máy phát điện được phát tán ra môi trường tại nhà đặt máy phát điện gần kho tổng. Ống khói được làm bằng thép không gỉ, chịu nhiệt cao, ống khói cao khoảng 10 m so với mặt đất, đường kính 300 mm.

3.2. Đối với mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi, hệ thống xử lý nước thải, khu vực ép phân, khí từ hầm biogas và hầm ủ xác:

- Khu vực chuồng nuôi: Các dãy chuồng được xây dựng có độ dốc và rãnh thoát nước. Sử dụng chế phẩm sinh học EM để giảm thiểu mùi. Tỷ lệ pha 1 lít EM cho 200 - 500 lít nước, sử dụng 1 lít dung dịch đã pha cho 10 m². Phun đều cho chuồng nuôi kể cả phun làm mát cho heo (phun lên mình heo) với tần suất 2 lần/ngày. Lắp đặt các quạt thông gió kết hợp các tấm làm mát tại mỗi dãy chuồng; bố trí cây xanh cách ly xung quanh các khu trại; phía sau các quạt hút: trồng cây xanh, kết hợp phun chế phẩm sinh học khử mùi.

- Khu vực hầm ủ xác heo: Rắc vôi bên trong và bên trên bề mặt khu vực hố ủ xác với khối lượng 0,8 kg/m² hoặc phun chlorine với nồng độ 2% với lượng 0,2 - 0,25 lít/m² khi xử lý xác heo chết không do dịch bệnh; phun chế phẩm EM lên xác heo chết không do dịch bệnh để hạn chế mùi hôi phát sinh và nguy cơ dịch bệnh (nếu có). Trồng cây xanh xung quanh hầm ủ xác heo để hạn chế sự phát tán mùi trong không khí.

- Hệ thống thông gió và làm mát chuồng nuôi: Lắp đặt hệ thống làm mát cooling pad sử dụng trong chăn nuôi, trong chuồng có 10 quạt gió; Chủ cơ sở đã bố trí, trồng cây xanh trong khuôn viên trang trại để giảm thiểu mùi hôi phát tán

xung quanh,...

- Biện pháp giảm thiểu mùi từ hệ thống xử lý nước thải: Chủ Cơ sở sử dụng thêm chế phẩm EM để phun vào những vị trí phát sinh mùi hôi nhiều với tần suất 02 lần/ngày; hệ thống dẫn nước thải bằng ống uPVC Ø114 mm là hệ thống kín; đối với hầm biogas: phủ bạt HDPE dưới lớp lót đáy có bề dày 0,75 mm, phủ trên 1,5 mm để tránh thủng và phát sinh mùi ra ngoài.

- Đối với bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông: Thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như: Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực trang trại để giao nhận hàng, tưới nước thường xuyên các đường giao thông nội bộ này (nhất là vào mùa nắng); không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chờ quá tải; điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động tại kho chứa cùng thời điểm...

- Biện pháp giảm thiểu bụi trong quá trình nhập liệu thức ăn: Phun nước sân bãi, đường nội bộ vào mùa nắng để giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào khu vực trại; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; trồng cây xanh xung quanh khu vực...

- Đối với khí từ hầm biogas: Khí biogas phát sinh được thu gom bằng đường ống PVC có đường kính Ø90 mm, dài khoảng 10 m → Thiết bị đốt khí có kiểm soát. Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng đường ống dẫn khí. Kiểm tra nước đọng trong ống dẫn khí, kiểm tra ống dẫn khí không bị cong, gấp.

- Khu vực ép phân, khu vực nhà để phân: Pha 1 lít EM với 50 lít nước sạch. Phun định kỳ với tần suất 1 lần/ngày, rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày. Lượng EM sử dụng là 0,54 lít/ngày.

4. Chủ cơ sở phải trồng cây xanh trong khu vực trang trại đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 20% tổng diện tích trang trại; bố trí dây cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải; thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, mùi hôi phát sinh trong quá trình vận hành của Cơ sở theo đúng nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường kèm theo Giấy phép này.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

7. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của trang trại.

8. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định tại Điều 140 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 130

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

9. Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

10. Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở phải nghiêm chỉnh vận hành hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Cơ sở gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi hoạt động của Cơ sở để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

11. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

12. Đối với các công trình của trang trại có thay đổi và bổ sung so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ cơ sở phải liên hệ các cơ quan có liên quan thực hiện các thủ tục (nếu có) theo đúng quy định pháp luật.

13. Chủ cơ sở phải bố trí các công trình, hạng mục đảm bảo đúng mục đích sử dụng đất và theo đúng quy định.

14. Công ty thuê lại tài sản trên đất của Công ty TNHH Chăn nuôi Huy Phát để hoạt động chăn nuôi phải thực hiện các nội dung quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án tại Điều 3 của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6534431471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, chứng nhận lần đầu ngày 05 tháng 5 năm 2021, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 8 năm 2021.

15. Thực hiện các nội dung khác đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

